TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/DSST
Ngày: 26/9/2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hoàng Vinh
2. Ông Trần Văn Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2024/TLST-DS ngày 6 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2024/QĐST-DS ngày 11/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Văn N, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Tạm trú: Số B, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:
2.1. Trần Thanh V, sinh năm 1974 (vắng mặt);
2.2. Nguyễn Hồng T, sinh năm 1981 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số F, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trương Văn N trình bày:

Bà Nguyễn Hồng T là dì vợ của anh N, nên vào năm 2019 anh N có cho bà T và chồng là ông Trần Thanh V vay 100.000.000đ, mục đích để trồng sầu riêng và ổi. Bà T trực tiếp đến vay 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Khoảng 06 tháng sau bà T đến vay thêm 40.000.000 đồng mục đích để trồng

sầu riêng và ổi, cả hai lần cho vay anh N không làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, sau khi vay thì bà T và ông V có đóng lãi cho anh N đến tháng 10/2022 thì ông V và bà T không đóng lãi và không trả vốn gốc nên anh N có gặp ông V và bà T và lập Giấy nợ ngày 11/10/2022 lãi suất là 3% tháng, thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 11/10/2022 đến ngày 11/01/2023. Sau đó ông V và bà T có trả cho anh N 30.000.000đ tiền vốn, đến nay thì ông V và bà T không đóng lãi và không trả vốn gốc nên anh N khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh V và bà Nguyễn Hồng T trả lại số tiền vốn vay là 110.000.000 đồng, lãi suất 1%/ tháng, tính từ ngày 11/10/2022 cho đến khi xét xử vụ kiện.

Bị đơn bà Nguyễn Hồng T trình bày:

Bà Nguyễn Hồng T là dì vợ của anh Trương Văn N, vào năm 2019 bà cùng chồng là ông Trần Thanh V có vay của anh N số tiền 100.000.000đ, lãi suất 3%/tháng không lập biên nhận, sau đó có vay thêm 40.000.000đ, mục đích vay tiền để vợ chồng trồng cây ăn trái. Sau khi vay thì vợ chồng bà vẫn đóng lãi cho anh N đầy đủ. Đến tháng 10/2022, do anh V có người phụ nữ khác nên vợ chồng mâu thuẫn, anh V bán trái cây mà không đưa tiền cho chị đóng tiền lãi nên vợ chồng đã không đóng tiền lãi cho anh N. Ngày 11/10/2022, anh N đến nhà anh V và chị T để lập giấy nhận nợ, nội dung vợ chồng chị còn nợ anh N số tiền 140.000.000đ, lãi suất ghi trong giấy là 1%/ tháng nhưng thực tế lãi thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, khi lập giấy nhận nợ thì không có anh V ở nhà nên chị T ký tên trước và giữ lại giấy nợ đưa anh V ký tên sau. Sau khi anh V ký tên xong thì bà T giao Giấy nợ cho anh N giữ.

Năm 2023, chị T và anh V có trả cho anh N được 30.000.000đ nên còn nợ lại 110.000.000đ. Nay chị T cũng đồng ý cùng anh V liên đới trả lại cho anh N số tiền vốn vay là 110.000.000đ và lãi suất 1%/ tháng tính từ ngày 11/10/2022 đến ngày xét xử.

Anh Trần Thanh V vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn Nguyễn Hồng T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Trần Thanh V chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 463, 466, 467 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị Nguyễn Hồng T và anh Trần Thanh V liên đới trả số tiền là 27.000.000 đồng và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Trương Văn N khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Nguyễn Hồng T và anh Trần Thanh V liên đới trả số tiền 110.000.000đ và lãi tính từ 11/10/2022 đến ngày 26/9/2024 với lãi suất 1%/ tháng, đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Chị Nguyễn Hồng T và anh Trần Thanh V có địa chỉ tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại Điều 26, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Anh Trương Văn N có cho bà Nguyễn Hồng T và ông Trần Thanh V vay 100.000.000đ vào năm 2019, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, khi vay không có lập biên nhận, mục đích vay tiền là để vợ chồng bà T trồng cây ăn trái. Sau đó, bà T có vay thêm 40.000.000đ lãi suất thỏa thuận 3%/ tháng, không lập biên nhận nợ. Sau khi vay bà T và ông V có đóng lãi cho anh N đến tháng 10/2022 thì không đóng nữa. Ngày 11/10/2022, anh N có lập Giấy nợ cộng vốn vay được số tiền 140.000.000đ và lãi suất ghi trong giấy nợ là 1%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng. Năm 2023, vợ chồng bà T và ông V đã trả được 30.000.000đ. Do đó anh N yêu cầu bà Nguyễn Hồng T và ông Trần Thanh V liên đới trả số tiền vốn vay là 110.000.000đ và lãi tính từ ngày 11/10/2022 đến ngày 26/9/2024 (23 tháng 26 ngày) với lãi suất là 1%/tháng.

Chị Nguyễn Hồng T cũng thừa nhận vợ chồng chị có vay tiền của anh N 02 lần tổng cộng là 140.000.000đ, nhưng đã trả được 30.000.000đ, nên còn nợ anh N số tiền 110.000.000. Do đó, chị T cũng đồng ý cùng anh V liên đới trả cho anh N số tiền vốn gốc là 110.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 11/10/2022 đến ngày 26/9/2024 với lãi suất là 1%/tháng.

Anh Trần Thanh V vắng mặt trong thời gian từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử không có văn bản trình bày ý kiến, mặc dù Tòa án đã tống đạt Thông báo cung cấp thông tin số 709/TB – TA ngày 16/8/2024 nhưng anh V vẫn không có ý kiến về yêu cầu và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn đưa ra.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T cũng thừa nhận vợ chồng có nợ anh N số tiền 110.000.000đ, mặc dù khi vay tiền thì anh V không trực tiếp giao nhận nhưng mục đích chị T vay tiền để phục vụ cho việc canh tác trồng cây ăn trái của vợ chồng và sinh hoạt trong gia đình, cụ thể sau khi vay tiền vợ chồng sử dụng hoa lợi từ việc canh tác vườn để đóng lãi cho anh N điều đó thể hiện khi vợ chồng có mâu thuẫn nên anh V không đưa tiền bán trái cây để chị T đóng lãi cho anh N. Theo giấy nợ phía nguyên đơn cung cấp thì chị T trình bày anh V cũng ký tên vào giấy nợ. Anh V cũng không có ý kiến về chữ ký của anh trong giấy nợ và cũng không

có trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên coi như anh V thừa nhận yêu cầu và tài liệu chứng cứ nguyên đơn đưa ra.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhập yêu cầu của nguyên đơn anh Trương Văn N, buộc chị Nguyễn Hồng T và anh Trần Thanh V liên đới trả cho anh Trương Văn N số tiền còn nợ là 110.000.000đ.

[2.2] Về lãi suất: anh N yêu cầu tính lãi 1%tháng từ ngày 11/10/2022 đến ngày 26/9/2024 đối với số tiền vốn 110.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù khi cho vay lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, trong Giấy nợ có ghi lãi suất là 1%/tháng, anh N chỉ yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng là phù hợp với qui định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Lãi suất từ 11/10/2022 đến ngày 26/9/2024 là 23 tháng 26 ngày.

Lãi suất được tính là: (110.000.000đ x 1%/ tháng x 23 tháng) + (110.000.000đ x 0,033%/ngày x 26 ngày) = 25.300.000đ + 943.800đ=26.243.800đ.

[2.3] Về án phí: Chị Nguyễn Hồng T và anh Trần Thanh V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Trương Văn N.

2. Buộc chị Nguyễn Hồng T và anh Trần Thanh V có nghĩa vụ liên đới trả cho anhTrương Văn N1 số tiền 110.000.000đ và lãi 26.243.800đ. Tổng cộng vốn lãi là 136.243.800đ (Một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: chị Nguyễn Hồng T và anh Trần Thanh V phải nộp 6.812.000đ (Sáu triệu tám trăm mười hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trương Văn N được nhận lại 3.990.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002393 ngày 6/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn Trần Thanh V vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan